

Số/No.: **57** /2026/CMC/CV – VPTD

Hà Nội, ngày **27** tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. **Công ty/ Company:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC/ *CMC Corporation*
Trụ sở chính/ Head office: CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam / *CMC Tower, 11 Duy tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam*
Điện thoại/ *Tel:* 024 – 37958668 Fax: 024 - 37958989
Người thực hiện công bố thông tin/ *Disclosures:* Lê Thanh Sơn
Chức vụ/ *Position:* Phó chủ tịch Điều hành/ *Executive Vice President*

2. **Nội dung thông tin công bố**

Disclosure information content:

Điều lệ CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 27.

Theo đó, sửa đổi phụ lục 02: Vốn điều lệ Công ty, ghi nhận vốn điều lệ mới của công ty là 2.329.546.080.000 VND.

The amended Charter of CMC Corporation, 27th revision.

In which Appendix 02 is amended: Company Charter Capital, records the new charter capital of the Company as: 2.329.546.080.000 VND.

3. **Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào 27/02/2026 tại đường dẫn:** <https://www.cmc.com.vn/shareholder/cong-bo-thong-tin-nam-2026>

This information was published on the Company's website on February 27, 2026 via link: <https://www.cmc.com.vn/shareholder/cong-bo-thong-tin-nam-2026>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

The Company undertakes the above disclosure information is true and shall be fully responsible before the law for the content of disclosure information.



Người Ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Lê Thanh Sơn





CMC CORPORATION

Số: 01/2026/QĐ-CTHQQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
(Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ hai mươi bảy)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC;
- Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết số 01/2025/NQ - ĐHQĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ban hành ngày 29/07/2025;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ngày 29/01/2026 Vv "Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024".

QUYẾT ĐỊNH:

- ĐIỀU 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC - Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ hai mươi bảy.
- ĐIỀU 2:** Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC - Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ hai mươi sáu đã được ban hành ngày 30/09/2025.
- ĐIỀU 3:** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng, ban, bộ phận của Công ty và các cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu Văn thư;
- Lưu VP HĐQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trung Chính

HEAD OFFICE: CMC Tower, 11 Duy Tân St., Cau Giay Ward, Hanoi

BRANCH OFFICE: CCS HCM - Lot VB.27-28-29, No 19 St., Tan Thuan EPZ, Tan Thuan Ward, HCM City

| ☎ +84.24 7106 5555

| ☎ +84.28 7105 8888

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC



CMC CORPORATION

Aspire to Inspire the Digital World

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHỆ CMC

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 27)

HÀ NỘI, NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của Cổ đông	8
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	12
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông	14
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	20
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	21

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 33. Người điều hành Công ty	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	32
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	33
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	39
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	39
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	40
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 47. Năm tài chính	40
Điều 48. Chế độ kế toán	40

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 50. Báo cáo thường niên	41
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 51. Kiểm toán	41
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	41
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	42
Điều 53. Giải thẻ Công ty	42
Điều 54. Thay đổi thời hạn hoạt động	42
Điều 55. Thanh lý	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 57. Điều lệ Công ty	43
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 58. Ngày hiệu lực	44
PHỤ LỤC 01. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY	45
PHỤ LỤC 02. VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY.....	49
PHỤ LỤC 03. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 07 năm 2022.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - e) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Ngày thành lập là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu
 - g) Người điều hành doanh nghiệp là Chủ tịch Điều hành Tập đoàn, Tổng giám đốc, các Phó Chủ tịch, các Giám đốc chức năng (CxO) và các thành viên Ban điều hành khác trong Công ty thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Hội đồng quản trị.
 - h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và (các) cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, phê chuẩn của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.
 - i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k) Cổ đông lớn là Cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều

- 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;
- m) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
 - Tên tiếng Anh: CMC Corporation
 - Tên viết tắt: Tập đoàn Công nghệ CMC
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty: được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngày cấp (hoặc sửa đổi) gần nhất của Công ty.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định của Điều lệ này, Công ty sẽ hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 (hai) Người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - b) Tổng giám đốc
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định tại Phụ lục 01 của Điều lệ này
2. Tập đoàn Công nghệ CMC luôn kiên định với mục tiêu trở thành Tập đoàn số toàn cầu, doanh thu tỷ đô, đi đầu trong cung cấp các giải pháp chuyển đổi số, ghi danh Việt Nam trên bản đồ công nghệ thế giới thông qua những hoạt động kinh doanh chủ lực của 04 (bốn) khối: Hạ tầng số; Công nghệ - Giải pháp; Kinh doanh Quốc tế; Nghiên cứu - Giáo dục.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 02 kèm theo Điều lệ này.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên và các thông tin khác về Cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục 03 kèm theo Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức

được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Khi thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ

- đồng;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên (sau đây gọi tắt là "cổ phần ESOP") có đầy đủ các quyền cho Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông với các điểm ưu đãi và hạn chế sau:
- a) Được mua với giá ưu đãi do Hội đồng quản trị quyết định tại thời điểm phát hành;
 - b) Được tự do chuyển nhượng sau một thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật (trừ trường hợp bán lại cho Công ty theo quy định tại Quy chế phát hành cổ phần ESOP). Thời hạn cụ thể tuân theo chính sách phát hành do Hội đồng quản trị quy định theo từng đợt phát hành;
 - c) Các chứng khoán phát sinh từ việc nắm giữ cổ phần ESOP, như cổ phần có được thông qua thực hiện quyền mua cổ phần trong đợt phát hành, cổ phần có được do việc chia tách cổ phần ESOP đang nắm giữ, cổ phần được trả cổ tức, cổ phần thưởng có thể được chuyển nhượng hoặc không được chuyển nhượng theo quyết định của Hội đồng quản trị cho mỗi đợt phát hành các chứng khoán như vậy.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng

- Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, hình thức họp phù hợp. Hội đồng quản trị có thể lựa chọn một trong các hình thức họp Đại hội đồng Cổ đông dưới đây:
 - a) Họp trực tiếp;
 - b) Họp trực tuyến;
 - c) Hoặc các hình thức họp phù hợp khác tùy theo tình hình thực tế.Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường

hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức;
 - c) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất

của Công ty;

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
- i) Quyết định việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức Công ty), giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ

- phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán
 - p) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
 - r) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là Cổ đông và những cá nhân, Công ty và tổ chức có liên quan của các đối tượng này ngoại trừ trường hợp Công ty và tổ chức đó là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế thì do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định tại Điểm r Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này;
 - s) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
 4. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể tổ chức xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy

định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu

quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay, gửi thư điện tử (email) hoặc gửi qua bưu điện, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông tại danh sách Người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông

hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba

được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông, hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi mã số Cổ đông, tên Cổ đông và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Phiếu biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính.
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến". Kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua

- 1) Đại hội đồng Cổ đông thông qua mọi vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản
- 2) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu

trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- 3) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này
4. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc chuẩn bị danh sách Cổ đông và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến cùng tài liệu kèm theo cho Cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến Cổ đông phải có các nội dung tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung tuân thủ theo các quy định của pháp luật, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và đảm bảo các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và

bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trong trường hợp nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế, quy định khác của Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy chế, quy định khác của Công ty và không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Điều hành của bất kỳ một doanh nghiệp khác cạnh tranh với Công ty, trừ trường hợp được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định việc phát hành trái phiếu và huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư hoặc dự án đầu tư có giá trị dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các thành viên Ban Điều Hành của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác do Công ty chi trả cho những người

- đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các thành viên Ban Điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần của những doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng Cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - q) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh;
 - r) Hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
 - s) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;
 - t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định khác của pháp luật, Điều Lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty tại từng thời điểm;
 - u) Tùy theo từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc các thành viên Hội đồng quản trị khác và/hoặc thành viên Ban điều hành Công ty quyết định, phê duyệt một số vấn

đề của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền nêu trên phải được ban hành bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan khác.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có), hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn ra một số

- Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, ký ban hành các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông
 - f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị
 - g) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - h) Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
 - i) Tùy từng thời kỳ, theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể được quyết định, phê duyệt một số vấn đề của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc phân cấp, ủy quyền nêu trên phải được ban hành bằng văn bản;
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án

cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người khác ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các cá nhân được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện điện tử. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản/phương tiện điện tử. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và Cổ đông.
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông

báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Trường hợp thông báo được gửi bằng email/fax thì ngày email/fax được gửi đi thành công được coi là ngày gửi thông báo họp lệ.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác đảm bảo đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên

- 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị
13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị ở những địa điểm khác nhau. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp nhưng phải được khẳng định lại bằng các chữ ký trong biên bản của đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
 14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:
Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện điện tử để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc thông qua phương tiện điện tử khác có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan khác.
Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Chủ tịch Điều Hành Tập Đoàn, 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó Chủ tịch, các Giám đốc Chức năng (CxO) và các thành viên Ban Điều hành khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn/bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Chủ tịch, các Giám đốc

chức năng (CxO) và các thành viên Ban điều hành khác thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nếu nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào quy định tại hợp đồng lao động.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh và hợp đồng, giao dịch khác theo phân cấp của Công ty trong từng thời kỳ;
 - j) Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị;
 - k) Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quyết định/chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý nội bộ Công ty, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo Quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định số lượng thành viên Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại

Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải đảm bảo các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch

vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
- a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất trở lên, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch.
 - d) Hợp đồng hoặc giao dịch với các công ty thành viên trong cùng tập đoàn hoặc các công ty liên kết để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích

của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng

khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 04 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Công ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ Chế độ kế toán nào được cơ quan có thẩm quyền ban hành và chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo hoặc cho các năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Chủ Tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thay đổi thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này. Trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để thông qua về thời hạn hoạt động mới của Công ty.

Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số Cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều Lệ này.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tế liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trong trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết

định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) Chương, 58 (năm mươi tám) Điều được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC nhất trí thông qua ngày 27 tháng 07 năm 2022 tại Hà Nội và cùng chấp thuận 'hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Trung Chính

PHỤ LỤC 01. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
<i>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i>		
1	7211	Nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chi tiết: Triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông;
2	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
3	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ khoa học và công nghệ; Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thông tin khoa học công nghệ;
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh, đầu tư bất động sản; Dịch vụ thuê và cho thuê, mua, bán nhà ở, quyền sử dụng đất ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, trung tâm thương mại; Dịch vụ kinh doanh học xá; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các khu đô thị, khu công nghệ thông tin tập trung, và khu công nghệ cao; Hoạt động quản lý nhà, chung cư
5	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản (Không bao gồm Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)

6	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)
7	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế (Không bao gồm phân phối các sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử là vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)
8	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin
9	2610	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất lắp ráp thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông
10	2620	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: Sản xuất lắp ráp các sản phẩm tin học
11	2630	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	2817	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết: Sản xuất lắp ráp mua bán bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị văn phòng
13	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin điện tử, phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng

14	5820 (chính)	<p>Xuất bản phần mềm</p> <p>Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung Xuất bản phần mềm; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; Gia công và xuất khẩu phần mềm</p> <p>(Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)</p>
15	6399	<p>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình</p>
16	8230	<p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành;</p>
17	8559	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn;</p>
18	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
19	6190	<p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông; Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự); Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.</p>
20	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
21	8521	Giáo dục tiểu học

22	8522	Giáo dục trung học cơ sở
23	8523	Giáo dục trung học phổ thông
24	8533	Đào tạo cao đẳng
25	8541	Giáo dục đại học
26	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Trung Chính

PHỤ LỤC 02. VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là: 2.329.546.080.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm hai mươi chín tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành: 232.954.608 cổ phiếu (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, sáu trăm linh tám cổ phiếu)
 - Mệnh giá là 10.000 VNĐ/Cổ phần, trong đó:
 - Cổ phần phổ thông: 232.954.608 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
3. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) cổ phần.
4. Thời hạn phát hành: từ tháng 07/2021 đến hết tháng 12/2024 hoặc đến khi phát hành hết toàn bộ số cổ phần dự kiến theo Chương trình ESOP giai đoạn 2021 - 2023 tùy thuộc thời điểm nào đến trước.
5. Phụ lục 02 này là một phần không thể tách rời của Điều lệ Công Ty và sẽ được điều chỉnh khi HĐQT bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 2 Phụ lục 2 Điều Lệ Công Ty nêu trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trung Chính

PHỤ LỤC 03. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

Danh sách Cổ Đông Sáng Lập và Giá trị vốn góp của từng Cổ Đông Sáng Lập tại thời điểm Công Ty chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần (tại ngày 07 tháng 02 năm 2007)

STT	Họ tên	Số vốn góp (Việt Nam Đồng)	Tương ứng (Cổ Phần)
1	Hà Thế Minh	4.000.000.000	400.000
2	Nguyễn Trung Chính	4.000.000.000	400.000
3	Nguyễn Phước Hải	12.250.000.000	1.225.000
4	Nguyễn Đức Khương	1.225.000.000	122.500
5	Lê Quang Thành	983.500.000	98.350
6	Nguyễn Hồng Sơn	1.388.330.000	138.833
7	Tạ Hoàng Linh	1.493.330.000	149.333
8	Đặng Thế Tài	700.000.000	70.000
9	Nguyễn Kim Cương	2.275.000.000	227.500
10	Nguyễn Văn Hoàng	1.061.660.000	106.166
11	Vũ Thành Nam	758.330.000	75.833
12	Phạm Thị Bảo Hạnh	350.000.000	35.000

13	Hoàng Thị Lai	245.000.000	24.500
14	Công ty TNHH Đầu tư MVI	83.500.000.000	8.350.000
15	Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	83.500.000.000	8.350.000

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trung Chính





CMC CORPORATION



CMC CORPORATION

Aspire to Inspire the Digital World

CHARTER

CMC CORPORATION

(27th Amendment and Supplement)

HANOI, FEBRUARY 26, 2026

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION.....	5
CHAPTER I	5
DEFINITIONS.....	5
Article 1. Definitions	5
CHAPTER II	6
NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVES.....	6
Article 2. Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations and operating period of the Company	6
Article 3. Legal Representatives of the Company	7
CHAPTER III.....	7
TARGETS, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION	7
Article 4. Targets of the Company.....	7
Article 5. Scope of business and operation of the Company	7
CHAPTER IV	8
CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS.....	8
Article 6. Charter capital, shares, Founding Shareholders.....	8
Article 7. Share certificates	8
Article 8. Other securities certificates.....	9
Article 9. Transfer of shares	9
CHAPTER V	9
ORGANIZATIONAL STRUCTURE, ADMINISTRATION AND CONTROL.....	9
Article 10. Organizational structure, administration and control.....	9
CHAPTER VI	10
SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS.....	10
Article 11. Rights of Shareholders	10
Article 12. Obligations of Shareholders	12
Article 13. General Meeting of Shareholders.....	13

Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders	14
Article 15. Authorization to attend the GMS	16
Article 16. Changes of rights	17
Article 17. Convening, agenda and invitation	17
Article 18. Conditions for holding the GMS	18
Article 19. Procedures and voting.....	18
Article 20. Approval threshold.....	18
Article 21. Written resolution	18
Article 22. Resolutions and minutes.....	18
Article 23. Request for cancellation of GMS resolution.....	19
CHAPTER VII	19
BOARD OF DIRECTORS	19
Article 24. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors	19
Article 25. Composition and term of office of members of the Board of Directors .	19
Article 26. Rights and obligations of the Board of Directors	20
Article 27. Remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors	21
Article 28. Chairman of the Board of Directors	21
Article 29. Meetings of the Board of Directors	21
Article 30. Subcommittees of the Board of Directors.....	22
Article 31. Person in charge of corporate governance	22
CHAPTER VIII	22
THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES.....	22
Article 32. Organization of the management apparatus	22
Article 33. Executives of the Company	23
Article 34. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director....	23
CHAPTER IX	24
BOARD OF SUPERVISORS	24

Article 35. Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors (Supervisors)	24
Article 36. Composition of the Board of Supervisors	24
Article 37. Head of the Board of Supervisors	24
Article 38. Rights and obligations of the Board of Supervisors	25
Article 39. Meetings of the Board of Supervisors	25
Article 40. Salaries, remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors	25
CHAPTER X	26
RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES	26
Article 41. Duty of loyalty and avoidance of conflict of interest	26
Article 42. Responsibility for damages and compensation	26
CHAPTER XI	26
RIGHT TO ACCESS COMPANY BOOKS AND RECORDS	26
Article 43. Right to access books and records	26
CHAPTER XII.....	27
EMPLOYEES AND TRADE UNION.....	27
Article 44. Employees and Trade Union.....	27
CHAPTER XIII.....	27
DISTRIBUTION OF PROFITS	27
Article 45. Distribution of profits	27
CHAPTER XIV	27
BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING	27
Article 46. Bank accounts	27
Article 47. Fiscal year	27
Article 48. Accounting	28
CHAPTER XV	28
FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE	28

Article 49. Annual, semi-annual and quarterly financial statements	28
Article 50. Annual report.....	28
CHAPTER XVI	28
AUDIT	28
Article 51. Audit	28
CHAPTER XVII	28
SEAL	28
Article 52. Company seal.....	28
CHAPTER XVIII	29
DISSOLUTION OF THE COMPANY	29
Article 53. Dissolution of the Company	29
Article 54. Extension of operating period	29
Article 55. Liquidation	29
CHAPTER XIX	29
SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES	29
Article 56. Settlement of internal disputes	29
CHAPTER XX	29
AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER	29
Article 57. The Company's Charter	29
CHAPTER XXI	30
EFFECTIVE DATE	30
Article 58. Effective date.....	30
APPENDIX 01. BUSINESS LINES OF THE COMPANY.....	31
APPENDIX 02. CHARTER CAPITAL OF THE COMPANY	35
APPENDIX 03. LIST OF FOUNDING SHAREHOLDERS AT THE DATE OF INCORPORATION	36

INTRODUCTION

This Charter is adopted pursuant to Resolution No. 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders dated July 27, 2022.

CHAPTER I

DEFINITIONS

Article 1. Definitions

1. In this Charter, the following terms shall be construed as follows:
 - a) "Charter Capital" means the total par value of shares that have been sold or subscribed upon establishment of the joint stock company and as prescribed in Article 6 of this Charter;
 - b) "Voting Capital" means the share capital which entitles its holder to vote on matters falling within the authority of the General Meeting of Shareholders;
 - c) "Law on Enterprises" means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, and its amendments and supplements (if any);
 - d) "Law on Securities" means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, and its amendments and supplements (if any);
 - e) "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam;
 - f) "Establishment Date" means the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate;
 - g) "Enterprise Executives" include the Group Executive Chairman, General Director, Vice Presidents, Chief Officers (CxO) and other members of the Executive Board of the Company under the approval authority of the Board of Directors;
 - h) "Enterprise Managers" include the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director and other managerial title holders appointed or approved by the Board of Directors from time to time;
 - i) "Related Persons" means individuals or organizations as defined in Clause 46 Article 4 of the Law on Securities;

- j) "Shareholder" means any individual or organization owning at least one share of the Company;
 - k) "Major Shareholder" means a shareholder as defined in Clause 18 Article 4 of the Law on Securities;
 - l) "Operating Period" means the duration of operation of the Company as prescribed in Article 2 of this Charter and any extension (if any) approved by the General Meeting of Shareholders;
 - m) "Stock Exchange" means the Vietnam Exchange and its subsidiary companies.
2. References in this Charter to any provision of law shall include any amendment, supplement or replacement thereof.
 3. Headings (Chapters and Articles) are inserted for convenience only and shall not affect the interpretation of this Charter.
 4. Words or terms defined in the Law on Enterprises shall have the same meanings in this Charter.

CHAPTER II

NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVES

Article 2. Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations and operating period of the Company

1. Company name:
 - Vietnamese name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
 - English name: CMC Corporation
 - Abbreviated name: Tập đoàn Công nghệ CMC
2. The Company is a joint stock company having legal personality in accordance with the applicable laws of Vietnam.
3. The registered headquarters of the Company shall be as stated in the most recent Enterprise Registration Certificate (including amendments, if any).

4. The Company may establish branches and representative offices in business areas in order to achieve its operational objectives in accordance with the resolutions of the Board of Directors and within the scope permitted by law.
5. Unless terminated in accordance with this Charter, the Company shall operate for an indefinite term.

Article 3. Legal Representatives of the Company

1. The Company has two (02) Legal Representatives, including:
 - a) Chairman of the Board of Directors;
 - b) General Director.
2. The rights and obligations of the Legal Representatives shall be determined by the Board of Directors from time to time.

CHAPTER III

TARGETS, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION

Article 4. Targets of the Company

1. The business lines of the Company are specified in Appendix 01 attached to this Charter.
2. CMC Corporation consistently pursues the objective of becoming a global digital corporation with billion-dollar revenue, leading in the provision of digital transformation solutions, contributing to positioning Vietnam on the global technology map through its four (04) core business blocks: Digital Infrastructure; Technology and Solutions; International Business; Research and Education.

Article 5. Scope of business and operation of the Company

The Company may conduct business activities in the registered business lines as stipulated in this Charter, and as amended and notified to the business registration authority and publicly disclosed on the National Enterprise Registration Portal.

CHAPTER IV
CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, Founding Shareholders

1. The Charter Capital of the Company is detailed in Appendix 02 attached to this Charter.
2. The Company may change its Charter Capital subject to approval by the General Meeting of Shareholders and in compliance with applicable laws.
3. As of the date of adoption of this Charter, the Company's shares include ordinary shares and preference shares (if any). The rights and obligations attached to each type of share are prescribed in Articles 11 and 12 of this Charter.
4. The Company may issue other types of preference shares upon approval of the General Meeting of Shareholders and in accordance with law.
5. The names and relevant information of the Founding Shareholders are set out in Appendix 03 attached to this Charter.
6. Ordinary shares shall be offered on a pre-emptive basis to existing Shareholders in proportion to their ownership of ordinary shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Any unsubscribed shares shall be decided by the Board of Directors. The Board of Directors may allocate such shares to Shareholders or other persons on terms no more favorable than those offered to existing Shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.
7. The Company may repurchase shares issued by itself in accordance with this Charter and applicable laws.
8. The Company may issue other types of securities in accordance with law.

Article 7. Share certificates

1. Shareholders shall be issued share certificates corresponding to the number and type of shares owned in accordance with securities laws.
2. A share certificate is a type of security certifying the lawful rights and interests of its holder with respect to a portion of the Company's share capital. The share certificate must contain all contents as prescribed in Clause 1 Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Upon full payment for subscribed shares in accordance with the Company's issuance plan, the holder shall be issued a share certificate in accordance with securities laws. The holder shall not bear the cost of printing such certificate.
4. In case a share certificate is lost, damaged or destroyed in any form, the Shareholder shall be re-issued a new certificate at his/her request, provided that such request includes:
 - a) Information relating to the lost, damaged or destroyed certificate;
 - b) A commitment to assume responsibility for any disputes arising from the re-issuance.

Article 8. Other securities certificates

Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the Chairman of the Board of Directors and the Company's seal.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares may be freely transferred unless otherwise provided in this Charter or by law. Shares listed or registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with securities laws and regulations of the securities market.
2. Shares not fully paid for shall not be transferred and shall not enjoy related rights such as dividend entitlement, bonus shares from equity increase, pre-emptive rights to newly issued shares or other rights as prescribed by law.

CHAPTER V

ORGANIZATIONAL STRUCTURE, ADMINISTRATION AND CONTROL

Article 10. Organizational structure, administration and control

The organizational structure, administration and control of the Company comprise:

1. General Meeting of Shareholders;
2. Board of Directors;
3. Board of Supervisors;
4. General Director.

CHAPTER VI

SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 11. Rights of Shareholders

1. Ordinary Shareholders shall have the following rights:
 - a) To attend and speak at the General Meeting of Shareholders and to exercise voting rights directly or through an authorized representative or by other methods as prescribed by this Charter and applicable laws. Each ordinary share shall carry one vote;
 - b) To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;
 - c) To have pre-emptive rights to subscribe for newly issued shares in proportion to their ownership of ordinary shares in the Company;
 - d) To freely transfer their shares to other persons, except as otherwise provided in Clause 3 Article 120 and Clause 1 Article 127 of the Law on Enterprises and relevant laws;
 - e) To examine, access and extract information on names and contact addresses in the list of Shareholders with voting rights; to request correction of inaccurate information relating to themselves;
 - f) To examine, access, extract or copy the Company's Charter, minutes and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - g) Upon dissolution or bankruptcy of the Company, to receive a portion of the remaining assets corresponding to their shareholding ratio;
 - h) To request the Company to repurchase their shares in the cases prescribed in Article 132 of the Law on Enterprises;
 - i) To be treated equally. Each share of the same class shall confer equal rights, obligations and benefits. Where the Company has issued preference shares, the rights and obligations attached thereto must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to Shareholders;
 - j) To access periodic and extraordinary information disclosed by the Company in accordance with law;
 - k) To have their lawful rights and interests protected; to request suspension or cancellation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises;
 - l) Other rights as prescribed by law and this Charter.

2. Shareholders owning Employee Stock Ownership Plan shares (hereinafter referred to as "ESOP Shares") shall have all rights of ordinary Shareholders subject to the following incentives and restrictions:
 - a) To purchase ESOP Shares at preferential prices as determined by the Board of Directors at the time of issuance;
 - b) To freely transfer ESOP Shares after a lock-up period as decided by the General Meeting of Shareholders in compliance with applicable laws (except for repurchase by the Company pursuant to the ESOP issuance regulations). The specific lock-up period shall comply with the issuance policy determined by the Board of Directors for each issuance;
 - c) Securities derived from ESOP Shares, including shares acquired through subscription rights in subsequent issuances, shares received from stock splits of ESOP Shares, dividend shares and bonus shares, may or may not be transferable as determined by the Board of Directors for each issuance.
3. A Shareholder or group of Shareholders holding from five percent (05%) or more of the total ordinary shares shall have the following additional rights:
 - a) To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders pursuant to Clause 3 Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;
 - b) To examine, access and extract minutes and resolutions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors, except for documents relating to trade secrets or business secrets of the Company;
 - c) To request the Board of Supervisors to inspect specific matters relating to management and operation of the Company when deemed necessary. Such request must be made in writing and include: full name, contact address, nationality, legal identification number (for individual Shareholders); name, enterprise registration number, and head office address (for organizational Shareholders); number of shares and date of registration of shares of each Shareholder; total shares held by the group and their ownership ratio; matters to be inspected and purpose of inspection;
 - d) To propose issues for inclusion in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be made in writing and sent to the Company at least three (03) working

days prior to the opening date of the meeting. The proposal must specify the Shareholder's name, number of shares of each class held, and the proposed issue;

- e) Other rights as prescribed by law and this Charter.
4. Shareholders or groups of Shareholders holding from five percent (05%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and the Board of Supervisors as follows:
- a) Ordinary Shareholders forming a group for nomination must notify attending Shareholders of the grouping before the opening of the General Meeting of Shareholders;
 - b) Based on the number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors, Shareholders or groups of Shareholders specified in this Clause shall have the right to nominate one or more candidates as decided by the General Meeting of Shareholders. If the number of candidates nominated is less than the number permitted, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Board of Supervisors and other Shareholders.

Article 12. Obligations of Shareholders

Ordinary Shareholders shall have the following obligations:

1. To fully and timely pay for the subscribed shares.
2. Not to withdraw contributed capital in the form of ordinary shares under any circumstances, except where shares are repurchased by the Company or other persons. Any Shareholder withdrawing capital contrary to this provision and related persons shall be jointly liable for the Company's debts and other property obligations within the value of the withdrawn shares and damages incurred.
3. To comply with the Company's Charter and internal governance regulations.
4. To comply with resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
5. To maintain confidentiality of information provided by the Company in accordance with this Charter and applicable laws; to use such information solely for exercising and protecting their lawful rights and interests; and not to disseminate, copy or transmit such information to other organizations or individuals.

6. To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights by one of the following methods:
 - a) Attending and voting in person;
 - b) Authorizing another individual or organization to attend and vote;
 - c) Attending and voting via online meeting, electronic voting or other electronic methods;
 - d) Sending voting ballots by mail, fax or email;
 - e) Other methods in accordance with law and this Charter.
7. To bear personal responsibility when acting in the name of the Company to conduct any of the following acts:
 - a) Violating the law;
 - b) Conducting business or other transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;
 - c) Paying debts not yet due in circumstances where the Company faces financial risks.
8. To fulfill other obligations as prescribed by applicable laws.

Article 13. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders (the "GMS") comprises all Shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Company.

The annual GMS shall be convened once per year within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may decide to extend the convening of the annual GMS where necessary, but not exceeding six (06) months from the end of the fiscal year.

In addition to the annual meeting, extraordinary GMS may be convened.

The venue of the GMS shall be the location where the chairperson attends and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual GMS and determine the appropriate venue and meeting format. The Board of Directors may select one of the following meeting formats:
 - a) Physical meeting;
 - b) Online meeting;
 - c) Other appropriate formats depending on practical circumstances.

The annual GMS shall decide matters as prescribed by law and this Charter, particularly the approval of audited annual financial statements.

Where the audit report contains material qualifications, adverse opinions or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved auditing firm that conducted the audit to attend the annual GMS.

3. The Board of Directors shall convene an extraordinary GMS in the following cases:
 - a) When deemed necessary for the interests of the Company;
 - b) When the remaining number of members of the Board of Directors or the Board of Supervisors is fewer than the statutory minimum;
 - c) At the request of a Shareholder or group of Shareholders as prescribed in Clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises. Such request must be made in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, and bearing signatures of the relevant Shareholders;
 - d) At the request of the Board of Supervisors;
 - e) Other cases as prescribed by law and this Charter.
4. Convening of extraordinary GMS:
 - a) The Board of Directors must convene the GMS within thirty (30) days from the date the number of members falls below the statutory minimum or from the date of receiving valid requests as prescribed above;
 - b) If the Board of Directors fails to convene the GMS within the prescribed time limit, the Board of Supervisors shall convene the GMS within the following thirty (30) days in accordance with Article 140 of the Law on Enterprises;
 - c) If the Board of Supervisors also fails to convene the meeting, the requesting Shareholder(s) shall have the right to request the Company's legal representative to convene the GMS in accordance with the Law on Enterprises;
 - d) The procedures for organizing the GMS shall comply with Clause 5 Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The GMS shall have the following rights and obligations:
 - a) To approve the Company's development orientation;
 - b) To decide on the class and total number of shares authorized for issuance; to decide on issuance of convertible bonds; to determine annual dividend rates and dividend payment methods;

- c) To decide on the number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors; to elect, dismiss or remove members thereof;
- d) To decide on investment in or sale of assets with value equal to or exceeding fifty percent (50%) of the total assets recorded in the latest consolidated financial statements of the Company;
- e) To amend and supplement the Company's Charter;
- f) To approve annual financial statements;
- g) To decide on repurchase of more than ten percent (10%) of total issued shares of each class;
- h) To consider and handle violations committed by members of the Board of Directors or Board of Supervisors causing damage to the Company and its Shareholders;
- i) To decide on reorganization (division, separation, consolidation, merger, conversion of legal form) or dissolution of the Company;
- j) To decide on the budget or total remuneration, bonuses and other benefits of the Board of Directors and Board of Supervisors;
- k) To approve the Internal Corporate Governance Regulations and the Operational Regulations of the Board of Directors and Board of Supervisors;
- l) To approve the list of accredited auditing firms and decide on the appointment or dismissal thereof;
- m) Other rights and obligations as prescribed by law.

2. The annual GMS shall discuss and approve:

- a) The annual business plan of the Company;
- b) Audited annual financial statements;
- c) The report of the Board of Directors on governance and operational performance;
- d) The report of the Board of Supervisors on business results and management performance;
- e) Self-assessment report of the Board of Supervisors;
- f) Dividend per share for each class;
- g) Number of members of the Board of Directors and Board of Supervisors;

- h) Election, dismissal or removal of members;
 - i) Total remuneration and benefits;
 - j) Appointment of auditing firm;
 - k) Amendments to the Charter;
 - l) New share issuance;
 - m) Corporate restructuring;
 - n) Dissolution and appointment of liquidator;
 - o) Major asset transactions $\geq 50\%$ total assets;
 - p) Share repurchase $> 10\%$;
 - q) Related-party transactions $\geq 35\%$ total assets pursuant to Article 167 of the Law on Enterprises;
 - r) Loans or guarantees to members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and related persons (except intra-group transactions as prescribed in Article 26 of this Charter);
 - s) Contracts or asset transactions $> 10\%$ total assets between the Company and a Shareholder holding $\geq 51\%$ voting shares or related persons thereof;
 - t) Internal governance regulations;
 - u) Other matters prescribed by law and this Charter.
3. All matters included in the meeting agenda must be discussed and voted at the GMS.
 4. Where necessary, the Board of Directors may obtain written opinions of Shareholders to pass resolutions under this Article.

Article 15. Authorization to attend the GMS

1. A Shareholder or authorized representative of an organizational Shareholder may attend the GMS in person or authorize another individual or organization to attend and vote in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises.
2. Authorization must be made in writing in accordance with civil law and specify: name of authorizing Shareholder, name of authorized person, number of shares, scope and duration of authorization, and signatures of both parties.
3. The authorized person must submit the power of attorney upon registration. In case of sub-authorization, the original authorization document must also be presented.

4. Votes cast by an authorized person shall remain valid even if:

- a) The authorizing person dies or loses civil capacity;
- b) The authorization is revoked;
- c) The authority is cancelled;

unless the Company receives written notice of such events before the opening of the meeting.

Article 16. Changes of rights

1. Any amendment or cancellation of special rights attached to a class of preference shares shall be effective when approved by Shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of total votes at the meeting.

Where such amendment adversely affects preference Shareholders, it must be approved by Shareholders holding at least seventy-five percent (75%) of total preference shares of that class, either at a meeting or through written ballot.

2. A meeting of preference Shareholders shall be valid when attended by at least two (02) Shareholders holding at least one-third (1/3) of total par value of such shares. If quorum is not met, a second meeting shall be convened within thirty (30) days regardless of attendance ratio.
3. Procedures shall comply with Articles 18, 19 and 20 of this Charter.
4. Issuance of additional shares of the same class shall not be deemed a variation of class rights unless otherwise stipulated in issuance terms.

Article 17. Convening, agenda and invitation

1. The Board of Directors shall convene the GMS.
2. The convener shall:
 - a) Prepare list of eligible Shareholders in accordance with securities law;
 - b) Prepare agenda and documents;
 - c) Draft resolutions;
 - d) Determine time and venue;
 - e) Send invitations at least twenty-one (21) days prior to opening date;

- f) Perform other necessary tasks.
3. Invitations may be delivered directly, by post, or electronically and must be published on the Company's website, SSC and Stock Exchange website.

Article 18. Conditions for holding the GMS

1. The GMS shall be valid when attended by Shareholders representing at least fifty-one percent (51%) of total voting shares.
2. If quorum is not met, a second meeting shall be convened within thirty (30) days and shall be valid when attended by at least thirty-three percent (33%).
3. If still insufficient, a third meeting shall be valid regardless of attendance ratio.

Article 19. Procedures and voting

1. The meeting shall elect a chairperson and secretary.
2. Voting may be by show of hands, ballot, or electronic system.
3. Election of Board members shall follow cumulative voting method.

Article 20. Approval threshold

1. Ordinary resolutions: approved when $\geq 51\%$ of votes of attending Shareholders.
2. Special resolutions (amendment of Charter, reorganization, major transactions $\geq 50\%$, dissolution): approved when $\geq 65\%$ of votes.

Article 21. Written resolution

1. The Board of Directors may obtain written opinions.
2. Resolution is valid when approved by Shareholders representing $\geq 51\%$ total voting shares.

Article 22. Resolutions and minutes

1. Minutes must be prepared and signed by Chairperson and Secretary.
2. Resolutions take effect upon approval or effective date stated therein.

Article 23. Request for cancellation of GMS resolution

Within ninety (90) days from receipt of minutes or resolution, Shareholders as prescribed by law may request court or arbitration to cancel the resolution if procedures or contents violate law or Charter.

CHAPTER VII

BOARD OF DIRECTORS

Article 24. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors

1. Shareholders or groups of Shareholders holding from five percent (05%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors in accordance with Article 11 of this Charter and the Law on Enterprises.
2. The nomination and self-nomination of candidates must comply with the following principles:
 - a) Candidates must satisfy the criteria and conditions prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities and other relevant laws;
 - b) A Shareholder or group of Shareholders may nominate one or more candidates corresponding to their ownership ratio as determined by the General Meeting of Shareholders;
 - c) Where the number of nominated candidates is fewer than the number required, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors or other Shareholders in accordance with law.
3. The list and information of candidates must be disclosed to Shareholders prior to the General Meeting of Shareholders in accordance with securities disclosure regulations.

Article 25. Composition and term of office of members of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall consist of from five (05) to eleven (11) members. The specific number shall be decided by the General Meeting of Shareholders.
2. The term of office of a member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms, unless otherwise prescribed by law.
3. The structure of the Board of Directors must ensure:
 - a) At least one-third (1/3) of the total number of members are non-executive members;
 - b) At least one (01) independent member in case the Company is a listed company, in compliance with the Law on Securities.

4. Where the number of members falls below the statutory minimum, the Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders to elect additional members within the time limit prescribed by law.

Article 26. Rights and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company and has full authority to decide and exercise rights and obligations of the Company, except those falling within the jurisdiction of the General Meeting of Shareholders.
2. The Board of Directors shall have the following rights and obligations:
 - a) To decide the Company's medium-term and annual development strategies and business plans;
 - b) To appoint, dismiss, and remove the General Director and other key executives; to determine their salary, remuneration and other benefits;
 - c) To decide the organizational structure and internal management regulations of the Company;
 - d) To decide on establishment of subsidiaries, branches and representative offices;
 - e) To approve contracts and transactions within its authority as prescribed by law and this Charter;
 - f) To decide on issuance of shares and other securities within the authority delegated by the General Meeting of Shareholders;
 - g) To propose dividend rates, handling of losses and profit distribution;
 - h) To supervise and direct the General Director in management and operation activities;
 - i) To submit annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
 - j) To propose reorganization or dissolution of the Company;
 - k) To convene General Meetings of Shareholders;
 - l) To decide loans, guarantees and transactions within authority not reserved to the General Meeting of Shareholders;
 - m) To approve related-party transactions within the authority prescribed by law;
 - n) To adopt internal governance regulations;
 - o) Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

3. The Board of Directors may delegate specific powers to the Chairman or the General Director but remains ultimately responsible for such delegated decisions.

Article 27. Remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors shall be entitled to remuneration and other benefits as approved by the General Meeting of Shareholders.
2. The Board of Directors shall determine the allocation of remuneration among its members.
3. Members shall be reimbursed for reasonable expenses incurred in the performance of their duties.

Article 28. Chairman of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall elect one (01) Chairman from among its members.
2. The Chairman shall have the following rights and obligations:
 - a) To prepare agendas and convene meetings of the Board of Directors;
 - b) To preside over meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;
 - c) To organize the adoption of resolutions of the Board of Directors;
 - d) To supervise implementation of resolutions of the Board of Directors;
 - e) Other rights and obligations prescribed by law and this Charter.
3. The Chairman may concurrently hold the position of General Director unless otherwise restricted by law.

Article 29. Meetings of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall meet at least once every quarter and may convene extraordinary meetings when necessary.
2. A meeting of the Board of Directors shall be valid when attended by at least three-fourths (3/4) of the total members.
3. Decisions of the Board of Directors shall be adopted when approved by a majority of attending members, unless a higher threshold is required by law or this Charter.

4. In case of a tied vote, the Chairman shall have the casting vote.
5. Meetings may be conducted physically or via teleconference, electronic communication or other lawful means.
6. Minutes must be recorded and signed by the Chairperson and the Secretary.

Article 30. Subcommittees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees to assist in performing its functions.
2. The establishment, composition, authority and operation of subcommittees shall comply with law and internal regulations approved by the Board of Directors.
3. Subcommittees shall report to and operate under the supervision of the Board of Directors.

Article 31. Person in charge of corporate governance

1. The Board of Directors shall appoint a person in charge of corporate governance in accordance with the Law on Securities.
2. The person in charge of corporate governance shall have duties including:
 - a) Advising the Board of Directors on compliance with legal requirements;
 - b) Organizing meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;
 - c) Assisting in preparation of corporate governance reports;
 - d) Ensuring information disclosure compliance;
 - e) Other duties as prescribed by law.

CHAPTER VIII

THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 32. Organization of the management apparatus

1. The Company's management apparatus shall be organized in accordance with resolutions of the Board of Directors and in compliance with applicable laws.
2. The Company shall have one (01) General Director and other executives as necessary to ensure efficient management and operation.
3. The General Director shall be responsible for organizing the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, and for day-to-day management of the Company's business activities.

Article 33. Executives of the Company

1. Executives of the Company include:
 - a) The General Director;
 - b) Deputy General Directors (if any);
 - c) Chief Officers (CxO);
 - d) Other managerial positions as decided by the Board of Directors.
2. Executives must meet the criteria and conditions prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities and relevant laws.
3. Executives may concurrently hold managerial positions in other companies unless prohibited by law.

Article 34. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director

1. The General Director shall be appointed and dismissed by the Board of Directors. The term of office shall not exceed five (05) years and may be reappointed.
2. The General Director shall have the following rights and obligations:
 - a) To organize implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;
 - b) To decide on matters relating to daily business operations of the Company;
 - c) To organize implementation of the Company's business plans and investment plans;
 - d) To propose organizational structure and internal management regulations;
 - e) To appoint, dismiss and remove managerial staff under his/her authority;
 - f) To decide salary and other benefits of employees, except those under authority of the Board of Directors;
 - g) To represent the Company in transactions within delegated authority;
 - h) To propose dividend distribution plans and handling of losses;
 - i) To recruit employees;
 - j) Other rights and obligations as prescribed by law, this Charter and resolutions of the Board of Directors.

3. The General Director shall be responsible to the Board of Directors and the law for performance of assigned duties.

CHAPTER IX

BOARD OF SUPERVISORS

Article 35. Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors (Supervisors)

1. Shareholders or groups of Shareholders holding from five percent (05%) or more of total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Supervisors.
2. Candidates must satisfy statutory criteria and independence requirements as prescribed by law.
3. The nomination and election process shall comply with the Law on Enterprises, the Law on Securities and this Charter.

Article 36. Composition of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall consist of from three (03) to five (05) members. The specific number shall be decided by the General Meeting of Shareholders.
2. The term of office of a Supervisor shall not exceed five (05) years and Supervisors may be re-elected.
3. The Board of Supervisors must have more than half of its members residing in Vietnam.
4. The Head of the Board of Supervisors must be a certified accountant or auditor or possess professional qualifications in finance or accounting as prescribed by law.

Article 37. Head of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall elect one (01) Head from among its members.
2. The Head of the Board of Supervisors shall have the following duties:
 - a) To convene and preside over meetings of the Board of Supervisors;
 - b) To sign reports and resolutions of the Board of Supervisors;
 - c) To supervise implementation of tasks assigned to Supervisors;
 - d) Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 38. Rights and obligations of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall supervise the Board of Directors, the General Director and other executives in management and operation of the Company.
2. The Board of Supervisors shall have the following rights and obligations:
 - a) To review financial statements and business performance reports before submission to the General Meeting of Shareholders;
 - b) To examine accounting books, records and other documents of the Company;
 - c) To request members of the Board of Directors, the General Director and other executives to provide information and explanations;
 - d) To report to the General Meeting of Shareholders on supervisory activities;
 - e) To propose appointment of independent auditors;
 - f) To convene the General Meeting of Shareholders in cases prescribed by law;
 - g) Other rights and obligations prescribed by law and this Charter.
3. The Board of Supervisors may use independent advisors to perform its duties where necessary.

Article 39. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall meet at least twice per year.
2. Meetings shall be valid when attended by at least two-thirds (2/3) of total members.
3. Resolutions shall be adopted by majority vote of attending members.
4. Minutes of meetings must be prepared and signed by attending Supervisors.

Article 40. Salaries, remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors

1. Members of the Board of Supervisors shall receive remuneration and benefits as approved by the General Meeting of Shareholders.
2. The Board of Supervisors shall allocate remuneration among its members.
3. Supervisors shall be reimbursed for reasonable expenses incurred in performance of their duties

CHAPTER X

RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 41. Duty of loyalty and avoidance of conflict of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director and other executives shall perform their rights and obligations honestly, prudently and in the best interests of the Company and its Shareholders.
2. Such persons must not use information, know-how, business opportunities or assets of the Company for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals.
3. They must promptly disclose to the Board of Directors and the Board of Supervisors any interests that may give rise to conflicts of interest in accordance with the Law on Enterprises and the Law on Securities.
4. Transactions between the Company and related persons must be approved and disclosed in accordance with applicable laws and this Charter.

Article 42. Responsibility for damages and compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director and other executives who breach their duties and cause damage to the Company shall be personally liable for such damage.
2. The Company and Shareholders shall have the right to initiate legal proceedings to claim compensation in accordance with law.
3. The Company may purchase liability insurance for managers and executives in accordance with applicable regulations.

CHAPTER XI

RIGHT TO ACCESS COMPANY BOOKS AND RECORDS

Article 43. Right to access books and records

1. Shareholders and groups of Shareholders entitled under the Law on Enterprises and this Charter shall have the right to access and examine Company documents.
2. The Board of Directors, Board of Supervisors and executives shall provide accurate and timely information upon lawful request.

3. Access to documents relating to trade secrets or confidential information shall comply with confidentiality regulations of the Company.

CHAPTER XII

EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and Trade Union

1. The General Director shall organize and manage employees in accordance with labor laws.
2. The Company shall respect the lawful rights of employees and create favorable conditions for the establishment and operation of the Trade Union in accordance with law.

CHAPTER XIII

DISTRIBUTION OF PROFITS

Article 45. Distribution of profits

1. Profits after tax shall be distributed in accordance with resolutions of the General Meeting of Shareholders and applicable laws.
2. The Company shall set aside statutory funds as required by law before distributing dividends.
3. Dividends may be paid in cash, shares or other assets as decided by the General Meeting of Shareholders.
4. The Board of Directors shall propose dividend rates and payment schedules.

CHAPTER XIV

BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING

Article 46. Bank accounts

The Company shall open bank accounts in Vietnam and abroad in accordance with law. The General Director shall decide the use of such accounts within delegated authority.

Article 47. Fiscal year

The fiscal year of the Company shall commence on January 1 and end on December 31 of each calendar year unless otherwise decided by the Board of Directors in compliance with law.

Article 48. Accounting

The Company shall apply Vietnamese Accounting Standards or other accounting standards as permitted by competent authorities.

CHAPTER XV**FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE****Article 49. Annual, semi-annual and quarterly financial statements**

1. The Company shall prepare financial statements in accordance with accounting and securities laws.
2. Annual financial statements must be audited by an approved auditing firm.
3. Financial statements shall be disclosed in accordance with securities regulations.

Article 50. Annual report

The Company shall prepare and disclose annual reports in compliance with securities laws and stock exchange regulations.

CHAPTER XVI**AUDIT****Article 51. Audit**

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an approved auditing firm to audit annual financial statements.
2. The auditing firm shall be independent and comply with auditing standards.
3. The audit report shall be submitted to the General Meeting of Shareholders.

CHAPTER XVII**SEAL****Article 52. Company seal**

1. The Company shall have one or more seals in accordance with law.
2. The management and use of the seal shall comply with internal regulations adopted by the Board of Directors.

CHAPTER XVIII
DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 53. Dissolution of the Company

The Company may be dissolved in the cases prescribed by the Law on Enterprises and by resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 54. Extension of operating period

The operating period of the Company may be extended upon approval by the General Meeting of Shareholders before expiration.

Article 55. Liquidation

1. Upon dissolution, the Company shall establish a liquidation committee in accordance with law.
2. Assets shall be liquidated and liabilities settled in accordance with statutory priority order.

CHAPTER XIX
SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Article 56. Settlement of internal disputes

1. Disputes between the Company and Shareholders, or among Shareholders relating to the Company's operation, shall first be resolved through negotiation and mediation.
2. Where negotiation fails, disputes shall be resolved by a competent court or arbitration in accordance with law.

CHAPTER XX
AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER

Article 57. The Company's Charter

1. This Charter may be amended and supplemented by resolution of the General Meeting of Shareholders.

2. Amendments shall comply with the Law on Enterprises, the Law on Securities and other relevant regulations.

CHAPTER XXI
EFFECTIVE DATE

Article 58. Effective date

1. This Charter takes effect from the date of approval by the General Meeting of Shareholders.
2. This Charter supersedes previous versions of the Company's Charter.

LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed)

Nguyen Trung Chinh

APPENDIX 01. BUSINESS LINES OF THE COMPANY

No.	Industry Code	Business Line
<i>(Regarding conditional business lines, the Company shall only conduct business operations upon fulfillment of all conditions as prescribed by law)</i>		
1	7211	<p>Research and experimental development on natural sciences.</p> <p>Detail: Experimental development and pilot production from scientific research results; Scientific research and technological development in the fields of information technology and telecommunications.</p>
2	7212	<p>Scientific research and technological development in engineering and technology.</p>
3	7490	<p>Other professional, scientific, and technical activities not elsewhere classified.</p> <p>Detail: Scientific and technological services; Consulting and technology transfer; Scientific and technological information.</p>
4	6810	<p>Real estate activities with own or leased land use rights.</p> <p>Detail: Real estate business and investment; Leasing, subleasing, buying, and selling of residential housing, residential land use rights, offices, workshops, warehouses, and commercial centers; Campus business services; Investment, construction, and operation of urban areas, concentrated IT zones, and high-tech zones; Management of houses and apartment buildings.</p>
5	6820	<p>Real estate consultancy, brokerage, and auction services; land use right auctions.</p> <p>Detail: Real estate business, investment, brokerage, and management. <i>(Excluding investment in cemetery infrastructure for the transfer of land use rights associated with such infrastructure).</i></p>
6	4610	<p>Agents, brokers, and auctioneers of goods.</p>

No.	Industry Code	Business Line
		Detail: Purchase agents, sale agents, and consignment agents. <i>(Foreign-invested economic organizations shall conduct goods trading activities and activities directly related to goods trading in accordance with Decree No. 09/2018/ND-CP dated January 15, 2018, and Circular No. 34/2013/TT-BCT dated December 24, 2013).</i>
7	4659	Wholesale of other machinery, equipment, and parts. Detail: Trading of medical equipment. <i>(Excluding the distribution of software products, hardware, and electronics recorded on any material).</i>
8	6209	Other information technology and computer service activities. Detail: Training and coaching services in the field of information technology.
9	2610	Manufacture of electronic components. Detail: Manufacturing and assembly of equipment for the IT, electronics, broadcasting, and postal & telecommunications industries.
10	2620	Manufacture of computers and peripheral equipment. Detail: Manufacturing and assembly of informatics products.
11	2630	Manufacture of communication equipment.
12	2817	Manufacture of office machinery and equipment (except computers and peripheral equipment). Detail: Manufacturing, assembly, trading, warranty, maintenance, and leasing of office equipment products and services.
13	3312	Repair of machinery and equipment. Detail: Warranty, maintenance, and leasing of products and services for IT, electronics, broadcasting, postal & telecommunications, and office equipment.

No.	Industry Code	Business Line
14	5820 (Main)	<p>Software publishing.</p> <p>Detail: Software production; providing software and content solutions and services; Data processing services and database-related activities; Software outsourcing and export.</p> <p><i>(Foreign-invested economic organizations shall comply with Decree No. 09/2018/ND-CP and Circular No. 34/2013/TT-BCT).</i></p>
15	6399	<p>Other information service activities not elsewhere classified.</p> <p>Detail: System integration, investment consultancy, provision of total solutions and infrastructure services in IT, electronics, telecommunications, and broadcasting.</p>
16	8230	<p>Organization of conventions and trade shows.</p> <p>Detail: Organization of specialized scientific conferences and seminars.</p>
17	8559	<p>Other education not elsewhere classified.</p> <p>Detail: Professional training and skills enhancement.</p>
18	5610	<p>Restaurants and mobile food service activities.</p>
19	6190	<p>Other telecommunications activities.</p> <p>Detail: Media products and services business; Information security products and services (except for network security assessment/evaluation services and security services not using civil cryptography); Provision of digital signature certification services.</p>
20	7020	<p>Management consultancy activities.</p>
21	8521	<p>Primary education.</p>
22	8522	<p>Lower secondary education.</p>
23	8523	<p>Upper secondary education.</p>

No.	Industry Code	Business Line
24	8533	College education.
25	8541	Higher education (University).
26	8560	Educational support services.

**LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Signed)

Nguyen Trung Chinh

APPENDIX 02. CHARTER CAPITAL OF THE COMPANY

1. **Charter Capital of the Company is:** VND 2,329,546,080,000 (In words: Two trillion, three hundred twenty-nine billion, five hundred forty-six million, eighty thousand Vietnamese Dong).
2. **Total Charter Capital of the Company is divided into:** 232,954,608 shares (In words: Two hundred thirty-two million, nine hundred fifty-four thousand, six hundred and eight shares).
 - Par value: VND 10,000 per share, in which:
 - Ordinary shares: 232,954,608 shares.
 - Preference shares: 0 shares.
3. **Number of shares authorized for offering:** 3,600,000 (Three million, six hundred thousand) shares.
4. **Issuance period:** From July 2021 until the end of December 2024, or until the total number of shares expected under the ESOP Program for the 2021-2023 period is fully issued, whichever occurs first.
5. This Appendix 02 constitutes an integral part of the Company's Charter and shall be adjusted when the Board of Directors sells additional new shares within the scope of authorized shares as prescribed in Clause 2, Appendix 02 of the Charter mentioned above.

LEGAL REPRESENTATIVE

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed)

Nguyen Trung Chinh

**APPENDIX 03. LIST OF FOUNDING SHAREHOLDERS AT THE DATE OF
INCORPORATION**

List of Founding Shareholders and Capital Contribution Value of each Founding Shareholder at the time the Company converted into a joint-stock company (as of February 07, 2007):

No.	Full Name	Contributed Capital (VND)	Corresponding Shares
1	Ha The Minh	4,000,000,000	400,000
2	Nguyen Trung Chinh	4,000,000,000	400,000
3	Nguyen Phuoc Hai	12,250,000,000	1,225,000
4	Nguyen Duc Khuong	1,225,000,000	122,500
5	Le Quang Thanh	983,500,000	98,350
6	Nguyen Hong Son	1,388,330,000	138,833
7	Ta Hoàng Linh	1,493,330,000	149,333
8	Dang The Tai	700,000,000	70,000
9	Nguyen Kim Cuong	2,275,000,000	227,500
10	Nguyen Van Hoang	1,061,660,000	106,166
11	Vu Thanh Nam	758,330,000	75,833
12	Pham Thi Bao Hanh	350,000,000	35,000
13	Hoang Thi Lai	245,000,000	24,500
14	MVI Investment Co., Ltd.	83,500,000,000	8,350,000
15	My Linh Investment Co., Ltd.	83,500,000,000	8,350,000



**LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Signed)

Nguyen Trung Chinh